

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 247/2020/HNGĐ-ST
Ngày 21-9-2020
V/v Ly hôn, nuôi con chung giữa
chị H và anh H1”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Nguyễn Ngọc Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sinh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 73/2020/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm 2D, xã HP, huyện HH, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Trần Văn H1, sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm 2D, xã HP, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(chị H xin vắng mặt; anh H vắng mặt lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 6 năm 2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Trần Văn H1 đăng ký kết hôn ngày 28-10-2005 tại Ủy ban nhân dân xã HP, huyện HH, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, chị H và anh H chung sống tại xóm 2D, xã Hải Phong. Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai người không hợp nên thường xuyên bất đồng quan điểm cãi chửi nhau dẫn đến cuộc sống chung của hai người

không hạnh phúc. Từ năm 2008 đến năm 2010 chị H và anh H1 đã có thời gian sống ly thân nhưng sau đó được hai bên gia đình động viên, hoà giải nên hai người về chung sống đoàn tụ. Tuy nhiên, sau khi về đoàn tụ, cuộc sống vợ chồng vẫn không có hạnh phúc nên thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Từ đầu năm 2017, do không thể tiếp tục chung sống được nên chị H đã phải đi thuê nhà để ở, hai người tục sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau từ thời gian đó. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên chị H đề nghị được ly hôn anh H1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thị Diệu A, sinh ngày 30-8-2006 và cháu Trần Quang H2, sinh ngày 11-02-2016. Hiện cháu A đang ở với anh H1; cháu H2 đang ở với chị H. Khi ly hôn, chị H nhận tiếp tục nuôi dưỡng cháu H2 còn cháu A nếu có nguyện vọng ở với chị H, chị cũng nhận nuôi; nếu cháu có nguyện vọng ở với anh H1, chị H sẽ tôn trọng ý kiến của con. Chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và Nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Do vợ chồng không có tài sản và nợ chung nên chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh H1 đến Tòa án để nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh H1 đều vắng mặt. Thông qua mẹ đẻ và anh trai anh H1 là bà Phạm Thị Nh và anh Trần Văn H3, Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh H1, hai người đã cam kết giao lại cho anh H1. Như vậy anh H1 đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình giữa chị H và anh H1 nhưng anh H1 vẫn không có mặt, không nộp cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình cũng như giao nộp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị H có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt; anh Trần Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt chị H và anh H1 theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã HP, huyện HH, tỉnh Nam Định ngày 28-10-2005. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn và có thời gian sống ly thân nhưng sau đó được hai bên gia đình phân tích hoà giải nên hai người đã về chung sống đoàn tụ nhưng cuộc sống vẫn không có hạnh

phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi chửi nhau. Đến đầu năm 2017 do không thể chung sống được nên chị H đã phải đi thuê nhà để ở và hai vợ chồng tiếp tục sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ, trách nhiệm với nhau từ thời gian đó. Đến nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh H1.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị H đối với anh Trần Văn H1, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ Hội đồng xét xử nhận định: Trong quá trình chung sống giữa chị H và anh H1 đã phát sinh mâu thuẫn, thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu nhưng hai người không có biện pháp, hành động nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Mặt khác, anh H1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, anh H1 đã biết được việc chị H làm đơn xin ly hôn nhưng đến nay, anh H1 không có văn bản ghi ý kiến của mình gửi cho Tòa án và cũng không có mặt tại các buổi làm việc của Tòa án đã chứng tỏ anh H1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Trần Văn H1 là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn H1 có 02 con chung là cháu Trần Thị Diệu A, sinh ngày 30-8-2006 và cháu Trần Quang H2, sinh ngày 11-02-2016, hiện cháu H2 đang ở với chị H, cháu A đang ở với anh H1. Khi ly hôn, chị H đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H2 còn cháu A nếu có nguyện vọng ở với chị thì chị H cũng nhận nuôi nên cháu A có nguyện vọng ở với anh H1, chị H sẽ tôn trọng ý kiến của con. Chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của chị H về việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau ly hôn thì thấy: Hiện nay cháu H2 đang ở với chị H, cháu A đang ở với anh H1 và cháu có nguyện vọng được ở với anh H1 nếu bố mẹ ly hôn. Mặc dù đến nay anh H1 cũng không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nhưng để đảm bảo cuộc sống ổn định, không gây sáo trộn cho các cháu và phù hợp với nguyện vọng của các cháu nên cần chấp nhận đề nghị của chị H và nguyện vọng của cháu Trần Thị Diệu A; giao cháu Trần Quang H2 cho chị H, giao cháu Trần Thị Diệu A cho anh H1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Do chị Phạm Thị H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, đến nay anh H1 cũng không có ý kiến gì về việc giải quyết tài sản và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Trần Văn H1.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Quang H2, sinh ngày 11-02-2016 cho chị Phạm Thị H; giao cháu Trần Thị Diệu A, sinh ngày 30-8-2006 cho anh Trần Văn H1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0002238 ngày 22-7-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải H; chị Phạm Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Cấp cho đương sự: (2 bản);
- TAND tỉnh Nam Định: (1 bản);
- VKSND tỉnh+huyện: (2 bản);
- Chi cục THADS huyện: (1 bản);
- UBND xã HP: (1 bản);
- Lưu hồ sơ: (1 bản);
- Lưu văn phòng: (1 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Văn Ái